

# Tâm Bất Thiện & Tâm Vô Nhân - Giác Chánh

## TÂM BẤT THIỆN (*Akusalā Citta*)

### 1. Định nghĩa:

Tâm bất thiện là tâm ác, xấu, không tốt đẹp. Nói theo chi pháp, tâm bất thiện là những tâm sanh lên có sở hữu bất thiện đồng sanh và hòa hợp (theo lời giải của bộ *Atthakathā*). Phạm ngữ *Akusalā* dịch là bất thiện, phi thiện, có nghĩa là trái với thiện. Nếu thiện là những gì lành mạnh của tinh thần thì bất thiện là trạng thái suy nhược, bệnh hoạn của tâm (*Rogayattha*); nếu thiện là cái gì tốt đẹp thì bất thiện là cái gì không tốt đẹp; nếu thiện là cái gì khôn khéo thì bất thiện là cái gì vụng về; nếu thiện là cái gì hiền thiện thì bất thiện là cái gì tội lỗi; nếu thiện là cái gì tạo quả an lạc thì bất thiện là nguyên nhân sanh khổ đau.

### 2. Phân loại:

**1.1) Tâm Tham** (*Lobhamūla citta*): Tâm là biết cảnh, Tham là ham muốn. Tâm tham là trạng thái tâm biết cảnh với tư cách ham muốn, bị thu hút bởi đối tượng khả ái. Bộ *Atthakathā* giải rằng: *Cittam lubhatiti lobha cittam* = Tâm ái nhiễm gọi là tâm tham.

Như vậy ta có thể nói tâm tham là sự bị cảnh thu hút, dính mắc đối tượng, và đối tượng của tâm tham là cảnh khả ái, cũng như đặc tánh của nam châm là hút sắt, thép, ... và những gì bị nam

châm hút thì là chất kim loại. Tâm tham được chia làm 8 thứ, căn cứ vào 3 phương diện:

- Thọ: Thọ hỷ hay thọ xả
- Tương ưng: Hợ tà hay ly tà
- Trợ: Hữu trợ hay vô trợ

Thọ hỷ (Somanassavedanā): là cảm giác vui mừng, hoan hỷ của tâm.

Thọ xả (Upekkhavedanā): là cảm giác thản nhiên, tự nhiên, vô tư của tâm.

Hợ tà (Micchādītṭhigatasampayuttam): là lòng ham muốn có sự hiểu sai, chấp lầm sự vật (tà kiến là không thấy rõ sự thật, không thấy lý vô thường, khổ não, vô ngã).

Ly tà (Amicchādītṭhigatasampayuttam): không có sở hữu tà kiến đồng sanh, hòa hợ.

Hữu trợ (Sasankhārikamekam): là tâm sanh lên do sự trợ giúp nhiều lần, cần có động cơ thúc đẩy. Sự trợ giúp ở đây có thể là của chính mình (phân vân, suy nghĩ, dẫn đo, ...) hay của người khác (dụ dỗ, khuyến khích, kêu gọi, ...).

Vô trợ (Asankhārikamekam): là tâm sanh lên mau lẹ không cần có sự trợ giúp.

Tám tâm Tham được cấu tạo như sau:

1) Tâm Tham Thọ Hỷ Hợ Tà Vô Trợ: là lòng tham với một cảm giác vui mừng, thích thú, có sự chấp sai và khởi lên một cách mau lẹ không do dự.

2) Tâm Tham Thọ Hỷ Hợ Tà Hữu Trợ: là lòng tham với một cảm giác vui mừng, có sự chấp sai, phát sanh chàm chạp (do suy nghĩ nhiều lần hay người khác phải xúi bẩy nhiều lần).

3) Tâm Tham Thọ Hỷ Ly Tà Vô Trợ: là sự ham muốn với cảm giác thích thú, không hiểu sai, sanh khởi mau lẹ.

4) Tâm Tham Thọ Hỷ Ly Tà Hữu Trợ: là sự ham muốn với cảm giác vui mừng, không có sự hiểu sai, sanh khởi một cách chậm chạp.

5) Tâm Tham Thọ Xã Hợ Tà Vô Trợ: là sự tham muốn một cách thản nhiên, với sự nhận thức sai lầm, sanh khởi một cách mau lẹ.

6) Tâm Tham Thọ Xã Hợ Tà Hữu Trợ: là sự tham muốn một cách bình thản, với sự nhận thức sai lầm, sanh khởi chậm chạp.

7) Tâm Tham Thọ Xã Ly Tà Vô Trợ: là sự tham muốn bình thường, không có sự chấp lầm, khởi lên mau lẹ.

8) Tâm Tham Thọ Xã Ly Tà Hữu Trợ: là lòng tham muốn bình thản, không có sự hiểu sai, sanh khởi do sự thúc đẩy nhiều lần.

Nhân sinh Tâm Tham là Tục sinh có nghiệp Tham liên hệ, nổi đời trước đã tham, gặp hoàn cảnh tốt và hay gặp cảnh vừa ý. Tâm Tham thường được phát khởi do nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chính là sự tham ái (ái dục).

**1.2) Tâm sân (Dosamūla Citta):** Sân là sự khó chịu, trái ý, nghịch lòng, bất toại nguyện. Tâm sân là sự biết cảnh với tư cách nóng nảy, bất bình, không vừa ý. *Đặc tính của tâm sân là hủy diệt đối tượng, không chấp nhận đối tượng* (trái với tâm tham là gìn giữ, ôm ấp đối tượng). Cảnh của tâm sân là những đối tượng khả ố, cũng như lửa có đặc tánh thiêu đốt.

**(1) Tâm Sân Thọ Ưu Hợp Phấn Hữu Trợ:** là sự nóng giận, ưu phiền, sanh lên do sự thúc đẩy nhiều lần. Thí dụ: một người tánh hay vui vẻ, gặp một người dùng lời chửi mắng, lúc đầu tâm chưa phản ứng gì, sau khi nghe nhiều lần thì nổi giận. Sự nổi giận ấy là tâm hữu trợ vậy.

**(2) Tâm Sân thọ Ưu Hợp Phấn Vô Trợ:** là sự khó chịu, trái ý, nghịch lòng phát sinh lên mau lẹ không cần một động năng nào thúc đẩy cả. Thí dụ: một người quen tật sân, ai chạm một chút cũng nổi giận, do đó, khi vừa gặp cảnh bất như ý là tâm sân liền nổi lên. Tâm sân đó là tâm sân vô trợ vậy.

Tâm sân thường sanh khởi do nhiều nguyên nhân, như do tánh quen sân, là có thói quen gặp gì trái ý cũng phát sanh sân hận, hay đối với bản tánh nóng nảy, thiếu sự suy xét sâu xa cũng là yếu tố làm tâm sân phát khởi; hoặc đối với người thiếu sự học hỏi, tánh tình thô lỗ cũng là một nguyên nhân làm tâm sân dễ phát khởi; và nguyên nhân chính phải nói là sự gặp cảnh không

tốt, khả ố.

**1.3) Tâm Si (Mohamūla Citta):** Si là sự si mê, mờ ám. Tâm si là trạng thái tâm mê tối, thiếu sự sáng suốt. Hành động mù quáng, sai lầm vì không thấu triệt các sự vật.

**(1) Tâm Si Hợp Hoài Nghi (Vicikicchāsampayuttam):** là sự mờ ám, si mê của tâm do sự lưỡng lự, phân vân. Sự hoài nghi ở đây phải hiểu là sự hoài nghi có hậu quả tai hại như hoài nghi Tam Bảo, hoài nghi Tam Học, hoài nghi Tam thế, hoài nghi duyên sinh, ...

**Hoài nghi Phật:** là không tin sự giác ngộ, hay không tin tuệ giác hoặc oai lực của Đức Phật.

**Hoài nghi Pháp:** là nghi ngờ về công năng của pháp bảo, hoài nghi về tánh cách chắc thật và hiệu quả của Phật pháp.

**Hoài nghi Tăng:** là sự nghi ngờ về sự thành tựu giới hạnh, thành tựu đạo quả của chư tăng.

**Hoài nghi Tam học:** là sự nghi ngờ về pháp tu tam học như hoài nghi về sự trong sạch của giới, hoài nghi sự thanh tịnh tiến hóa của định, hoài nghi sự sáng suốt, tỏ ngộ của tuệ.

**Hoài nghi Tam thế:** là phân vân về tự ngã (Atta) trong quá khứ, hiện tại và vị lai.

**Hoài nghi về Duyên Sinh:** là sự nghi ngờ về hiện tượng sanh tử, phân vân về đời sống hiện hữu của chúng sanh.

Nên nhớ ngoài những hoài nghi kể trên còn có những hoài nghi thông thường, như do dự trước khi hành động, muốn đi đâu nhưng còn do dự vì sợ có khách đến thăm bất tử ... những hoài nghi đó không thuộc vào tâm Si hoài nghi.

**(2) Tâm Si Hợp Phóng Dật (Uddhacca Mohacittam):** là sự mù quáng, thiếu sáng suốt do sự lao chao, bồn loạn của

tâm. Phóng = ném, dật = tung tóe; Phóng dật là sự ném một vật vào đồng tro làm bay lên mù mịt, giống như một người đang ngồi làm việc, bỗng có một tiếng động lớn làm người đó giật mình hay như một người sợ ma, lúc đi đêm, bất chợt gặp bóng đen, người đó sợ hãi la lên, tâm bị loạn động.

Tâm Si được sinh khởi do nghiệp si mê đời trước, sanh nhằm đời nhiều sân hận, thường gặp cảnh phiền não, thiếu sự thu thúc nơi ngũ căn.

Tâm Si thường sinh khởi do những nguyên nhân như: do thói quen hay có tánh sợ sệt, hay có tánh giật mình (sở hữu Phóng dật), hay có tánh ngờ vực (sở hữu Hoài nghi). Ngoài ra những người sanh ở những xứ nhiều sân hận như chiến tranh nên tâm thường hay giao động, hoặc thường hay gặp những nghịch cảnh gây phiền não, không tịch tĩnh. Cần ghi nhận ở đây là khi *Tín căn yếu sẽ phát sanh Hoài Nghi. Tấn căn, Niệm căn và Định căn yếu làm phát sanh Phóng Dật. Tuệ căn yếu cũng phát sanh Hoài Nghi ...*

### **3. Hành sự:**

Tâm bất thiện khi sanh khởi bình thường gọi là bất thiện (Akusalā), khi sanh khởi mạnh gọi là ác (Pāpa).

Ác hay việc làm của tâm bất thiện gồm có 10, nương theo ba nơi tạo nghiệp là *Thân, Khẩu và Ý nghiệp*.

Sở dĩ ở đây không nói đến tâm Si vì hành sự của tâm này đã rõ ràng qua tên gọi của mỗi thứ tâm như ngờ vực là hành sự của tâm Hoài Nghi; bán loạn là hành sự của tâm Phóng Dật. Còn đối với thập ác, tâm Si quá yếu ớt nên không thể can dự vào.

#### 4. Tác năng tạo quả

Trong 12 tâm bất thiện, khi tạo các ác nghiệp thì sẽ cho quả nặng nhẹ như sau

Tâm Thọ Hỷ có quả nặng hơn tâm Thọ Xã.

Tâm Hợ Tà có quả nặng hơn tâm Ly Tà.

Tâm Vô Trợ có quả nặng hơn tâm Hữu Trợ.

Vì **nghiệp** (Kamma) hay hành động tạo quả, **phần chủ yếu là sự chủ tâm, cố ý** (hay sở hữu Tư – Cetanā – Phật ngôn:

"*Cetanānam Bhikkhavekammaṃ vadāmi* = Nay các Tỳ

Khuru, **Nghiệp là Sở hữu Tư**"). Do đó, nếu sự cố ý mạnh sẽ cho quả nặng và ngược lại. Những tâm làm ác với sự thỏa thích (Thọ Hỷ), đương nhiên sẽ có sự cố ý mạnh hơn những tâm hành sự với cảm thọ bình thường (Thọ Xã); hay những tâm mang kiến chấp sai lầm (Hợ Tà), có sự chủ tâm mãnh liệt hơn những tâm không cố chấp (Ly Tà); những tâm phát khởi mau lẹ (Vô Trợ) sẽ có chủ ý, có tâm mạnh hơn những tâm sanh khởi nhờ sự trợ giúp nhiều lần (Hữu Trợ) vì cần có động cơ thúc đẩy, tâm hữu trợ thường sinh lên với tính cách gượng gạo nên sự chủ tâm trong tâm này rất yếu.

#### 5. Nhân sanh tâm bất thiện

**5.1) Tâm không khéo tác ý** (Ayoniso mānasikāra): là sự không khéo dùng tâm hay vụng về trong cách suy nghĩ, thí dụ: trước sự bất hạnh, đau khổ xảy đến, một người khéo tác ý sẽ nghĩ rằng "Đây là một cơ hội để ta hành pháp nhẫn nại", rồi người ấy hoan hỷ đón nhận nghịch cảnh đó. Trái lại, người không khéo tác ý sẽ than thở, phát tâm sầu muộn (tâm Sân dấy lên). Do đó, có thể nói không khéo tác ý là một nguyên nhân sanh tâm bất thiện.

**5.2) Ở xứ không nên ở** (Appatirāpadanevada): là trú ngụ ở những nơi phát sanh nhiều phiền não, gây tai hại cho tinh thần, khiến tâm hằng giao động, như những nơi thường có

chiến tranh, những nơi gần chốn ăn chơi, ... đều là những nơi không nên ở vì tục ngữ có câu "Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài", ngoài lý do bản tánh và thói quen ở kiếp trước, con người còn dễ bị ảnh hưởng bởi môi trường chung quanh mình. Vì vậy, có thể nói, cư ngụ ở những nơi không nên ở cũng là một nguyên nhân sanh tâm bất thiện.

**5.3) Thân cận phi thiện nhơn** (Asappurisapanissaya): Phi thiện nhơn là những người có thân ác, khẩu ác và ý ác; những người thiếu giới đức, kém trí tuệ. Khi giao thiệp với những người ấy, ta dễ bị ảnh hưởng theo ("gần mực thì đen!"), do đó việc thân cận phi thiện nhơn cũng là một nguyên nhân sanh tâm bất thiện.

**5.4) Đồi trước không có thói quen tạo phước** (Pubbe akata puññata): Có thể nói phiền não của chúng sanh giống như cỏ, thiện pháp của chúng sanh giống như lúa; lúa khó trồng mà dễ chết, còn cỏ không trồng nhưng khó diệt. Nói một cách khác, tâm bất thiện là một bản năng thường có của chúng sanh ("nhân chi sơ, tính bản ác!"). Vì vậy, một người không có thói quen tạo phước thì rất dễ sinh ác tâm.

**5.5) Hướng mình theo tà vạy** (Attamicchapanidhi): tức là có khuynh hướng làm điều ác, nuôi hoài bão bất chánh, có lập trường bất hảo. Như một người muốn làm du côn; muốn trở thành tướng cướp ... Do thực hành theo những ý hướng bất chánh đó, người ấy tạo ra những hành động bất thiện.

-ooOoo-

## **TÂM VÔ NHÂN** (*Ahetuka Citta*)

### **1. Định nghĩa:**

Ahetukacittam là sự biết cảnh không có bản chất ác xấu (bất thiện) hay tốt đẹp (tịnh hảo). Nhân (Hetu) có 2 loại

- 1) Nhân sanh (Uppattahetu): là nguyên nhân làm phát sanh pháp hữu vi; tất cả tâm, sở hữu tâm và các sắc pháp đều có nhân sanh.
- 2) Nhân tương ưng (Samyuttahetu): là cội rễ của các pháp thiện hay bất thiện. Nhân tương ưng gồm có sáu nhân sau đây:

Tham: sự ham muốn.

Sân: sự nóng giận, sự bất toại nguyện.

Si: sự tối tăm, u ám.

Vô Tham: sự xả ly, không dính mắc.

Vô Sân: sự mát mẽ, không nóng giận.

Vô Si: sự sáng suốt, không mê mờ.

Tâm vô nhân ở đây là những tâm không có nhân tương ưng đồng sanh và hòa hợp (thật ra nhân tương ưng của chúng đã xảy ra một lúc nào đó trong kiếp quá khứ vì tất cả các pháp hữu vi khi sinh khởi lên đều có nhân trợ tạo).

## **2. Phân loại:**

**2.1) Tâm quả vô nhân (Ahetukāvipākacitta):** là những tâm thành tựu do những nhân thiện hay bất thiện đã gây ra **trong kiếp quá khứ**.

**(a) Tâm Quả Bất Thiện Vô Nhân (Ahetukākusala vipākacitta):** là những tâm thành tựu bởi Nghiệp Bất Thiện (Tham, Sân, Si) **trong kiếp quá khứ**, vì là quả của ác nghiệp nên những tâm này chuyên bắt các cảnh xấu. Tâm quả bất thiện vô nhân gồm có 7 loại là:

Nhãn thức quả bất thiện thọ xả (Upekkhāsahagatam Cakkhaviññāṇam): là cái biết của mắt khi bắt cảnh sắc xấu (thấy những cảnh không hợp ý).

Nhĩ thức quả bất thiện thọ xả (Upekkhāsahagatam Sotaviññāṇam): là cái biết của tai khi nhận thức cảnh thanh xấu (nghe những tiếng không vừa lòng).

Tỷ thức quả bất thiện thọ xả (Upekkhāsahagatam Ghānaviññāṇam): là cái biết của mũi khi gặp cảnh khí xấu (phải ngửi những mùi khó chịu).

Thiệt thức quả bất thiện thọ xả (Upekkhāsahagatam Jivhāviññāṇam): là cái biết của lưỡi khi nhận thức cảnh vị xấu (nếm những vị chua, cay, mặn, ... ăn những thức ăn không hợp khẩu).

Thân thức quả bất thiện thọ khổ (Dukkhasahagatam Kāyaviññāṇam): cái biết của thân khi nhận thức cảnh xúc xấu (những va chạm không hợp với thân gây đau đớn, khó chịu, quá nóng, quá lạnh, ... ).

Tâm tiếp thu quả bất thiện thọ xả (Upekkhāsahagatam Sampaticchanacitta): là sự thu nhận năm cảnh Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc mà 5 thức thuộc quả bất thiện vừa ghi nhận, đưa vào tâm thức để tâm quan sát khởi lên.

Tâm quan sát quả bất thiện thọ xả (Upekkhāsahagatam Santīrānacitta): là tâm xem xét năm cảnh xấu mà tâm tiếp thu vừa ghi nhận.

**(b) Tâm Quả Thiện Vô Nhân (Ahetukakusalavipākacitta):** là những tâm vô nhân thành tựu bởi những tâm Thiện trong kiếp quá khứ (tức những nghiệp thiện đã làm). Những Tâm này chỉ là một phần của các loại tâm quả thiện trong Dục giới (vì còn 8 tâm quả trong Dục giới Tịnh hảo). Tâm quả thiện vô nhân gồm có 8 tâm như sau:

**Nhãn thức quả thiện thọ xả** (Upekkhāsahagatam Cakkhaviññāṇam)

**Nhĩ thức quả thiện thọ xả** (Upekkhāsahagatam Sotaviññāṇam)

**Tỷ thức quả thiện thọ xả** (Upekkhāsahagatam Ghānaviññāṇam)

**Thiệt thức quả thiện thọ xả** (Upekkhāsahagatam Jivhāviññāṇam)

**Thân thức quả thiện thọ lạc** (Sukhasahagatam Kāyāviññāṇam): cái biết của thân khi tiếp xúc với cảnh xúc thích hợp (như mát mẽ, êm ái, ...).

**Tâm tiếp thâu quả thiện thọ xả** (Upekkhāsahagatam Sampaticchanacitta)

**Tâm quan sát quả thiện thọ xả** (Upekkhāsahagatam Santīrānacitta)

**Tâm quan sát quả thiện thọ hỷ** (Somanassahagatam Santīrānacitta): tâm này chỉ khởi lên khi tiếp xúc với cảnh thật vừa ý.

**2.2) Tâm Duy Tác Vô Nhân** (Ahetukakriyācitta): là những tâm chỉ có hành động. Chúng không do nhân nào trong kiếp quá khứ sanh, và sau khi diệt đi chúng cũng không để lại kết quả. Chúng chỉ là những phản ứng máy móc của tâm khi bị kích thích đến mà thôi.

**Tâm khán ngũ môn** (Pañcadvārāvajjanacitta): còn gọi là Ngũ môn hướng tâm. Là tâm hướng đến 5 cảnh Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc; khi 5 cảnh này xuất hiện chi phối tâm hộ kiếp (tâm Hữu phần). Tâm khán ngũ môn là tâm khai mở lộ ngũ môn để ngũ song thức phát sanh.

**Tâm khán ý môn** (Manodvārāvajjanacitta): còn gọi là Ý môn hướng tâm. Là tâm làm *nhiệm vụ xác định* (Voṭṭhapana) cảnh pháp và *khai mở cho tâm đồng*

*tốc* (tâm tốc hành - Javana) *sinh khởi*. Do đó tâm này còn được gọi là " tác ý thành thực đồng tốc ".

**Tâm Ưng Cúng Sinh Tiểu** (Hasituppādacitta): còn gọi là Tiểu sanh tâm. Là tâm sai khiến cách cười của vị A-La-Hán. Nụ cười này do phản ứng tự nhiên chớ không có hàm ý, suy xét gì cả.

Quả Bất Thiện Vô Nhân	Quả Thiện Vô Nhân

**TÂM DỤC GIỚI VÔ NHÂN DUY TÁC**

### **3. Hành sự:**

Tâm vô nhân phần lớn là những tâm làm việc theo khuynh hướng máy móc của tâm (chỉ biết tiếp nhận cảnh mà không có khả năng tạo nghiệp). Nên cần phải nhận rõ hành sự của từng tâm mới hiểu được các khía cạnh của nó.

- 1) Cặp nhãn thức luôn luôn làm việc thấy tức là nhận thức cảnh sắc.
- 2) Cặp nhĩ thức luôn luôn làm việc nghe tức là nhận thức cảnh thanh.
- 3) Cặp tỷ thức luôn luôn làm việc ngửi tức là nhận thức cảnh khí.
- 4) Cặp thiệt thức luôn luôn làm việc nếm tức là nhận thức cảnh vị.
- 5) Cặp thân thức luôn luôn làm việc đụng (va chạm) tức là nhận thức cảnh xúc.
- 6) Cặp tiếp thân luôn luôn làm việc tiếp thu tức là tiếp nhận cảnh ngũ do ngũ song thức vừa ghi nhận để chuyển lại cho tâm quan

sát. Như vậy tâm này làm trung gian như người đưa tin vậy.

7) *Tâm quan sát quả bất thiện* làm tất cả năm việc là:

a- **Việc tục sinh** tâm này làm việc tục sinh cho **chúng sinh khổ**.

b- **Việc hộ kiếp** là trạng thái tâm chủ quan trong đời sống của chúng sinh khổ.

c- **Việc tử** là tâm cuối cùng, chấm dứt kiếp sống của chúng sinh khổ.

d- **Việc thập di** là tâm làm việc hưởng cảnh dư (quả) khi tâm đồng tốc bắt cảnh rất lớn, rất rõ.

e- **Việc quan sát** là xem xét, nhận xét 5 cảnh mà tâm tiếp thu vừa đưa vào.

8) *Tâm quan sát quả thiện* cũng làm tất cả năm việc như tâm quan sát quả bất thiện chỉ khác là tâm này bắt cảnh tốt và làm việc **tục sinh, hộ kiếp, tử cho người lạc**.

*Riêng tâm quan sát thọ hỷ chỉ làm hai việc: thập di và quan sát mà thôi.*

9) Tâm khán ngũ môn chỉ làm một việc là việc khán môn tức là xem xét 5 cảnh khi năm cảnh này vừa hiện đến để khai mở cho lộ ngũ môn sanh lên. Tâm khán ngũ môn được ví dụ như người gát cửa có phận sự mở cửa cho khách vào

10) Tâm khán ý môn làm hai việc:

**a- Khán môn:** tâm này khai mở cho lộ ý sanh khởi.

**b- Phân đoán:** là tâm xác định đối tượng tức năm cảnh ngũ mà tâm quan sát vừa tiếp nhận để tâm đồng tốc sanh lên xử sự.

11) Tâm Ứng Cúng Sinh Tiểu: chỉ làm một việc đồng tốc tức là tâm xử sự với cảnh mà thôi.

Muốn nắm rõ về các tâm vô nhân và hành sự của những tâm này, ta cần khảo sát sơ qua về lộ tâm, vì tâm vô nhân, phần lớn

là những tâm có khuynh hướng máy móc trong lộ trình diễn tiến của tâm thức.

## **LỘ NGŨ MÔN**

## **LỘ Ý MÔN**

**1) Tâm Hộ Kiếp:** là tâm chủ quan gìn giữ kiếp sống khi không

bị cảnh giới kích thích tới (phần tiềm thức).

**2) Tâm Hộ Kiếp quá khứ:** là tâm chủ quan (tâm hộ kiếp) sanh diệt đồng thời với cảnh hiện đến nhưng chưa bị cảnh chi phối. Hiện tượng này kéo dài trong 1 tâm sát na.

**3) Tâm Hộ Kiếp rung động:** là trạng thái tâm chủ quan bị cảnh mới chi phối. Kéo dài 1 tâm sát na.

**4) Tâm Hộ Kiếp ngưng lại:** hay tâm hộ kiếp dứt dòng là tâm chủ quan chãm dứt để nhường chỗ cho tâm khách quan khởi lên ghi nhận và xử sự với cảnh mới. Kéo dài 1 tâm sát na.

**5) Tâm Khách Ngủ Môn:** là tâm khách quan, khởi lên trong 1 tâm sát na, hướng về đối tượng tức cảnh mới.

**6) Ngũ Song Thức:** tùy theo đối tượng, một trong ngũ song thức tương ứng sẽ khởi lên trong 1 tâm sát na để bắt lấy cảnh.

**7) Tâm Tiếp Thâu:** là trạng thái của tâm khi tiếp thu cảnh ngũ mà ngũ song thức vừa ghi nhận. Khởi lên trong 1 tâm sát na.

**8) Tâm quan sát:** là trạng thái tâm khi điều tra đối tượng (nhận xét), khởi lên trong 1 tâm sát na để xem xét cảnh ngũ mà tâm tiếp thâu vừa ghi nhận.

**9) Tâm Phân Đoán:** là tâm xác định khởi lên trong 1 tâm sát na để biết đối tượng (như đẹp, xấu, thơm, ngon, cứng, lạnh, ...) do sự so sánh với những kinh nghiệm đã được ghi nhận trong tiềm thức (hộ Kiếp). Chính tâm khách ý môn làm công việc phân tách này.

**10) Tâm Đồng Tốc:** tâm này hiện khởi trong 7 tâm sát na để xử sự với đối tượng. Tâm này còn được gọi là tâm hưởng cảnh. Chính đây là giai đoạn quan trọng nhất trong lộ trình tâm vì chính tâm đồng tốc là tâm tạo ra nghiệp thiện hay bất thiện. Tùy theo thời điểm tạo nghiệp trong lúc tâm Đồng tốc khởi lên, sinh ra các thời điểm thọ quả như sau:

**11) Tâm Thập Di:** là trạng thái tâm hưởng cảnh dư của tâm đồng tốc nhưng không có khả năng tạo nghiệp vì những tâm làm công tác Thập Di hoàn toàn là những tâm quả. Khởi lên trong 2 tâm sát na

Riêng lộ ý vì bắt cảnh tự khởi trong tâm thức nên lộ ý chỉ hiện khởi trong 10 tâm sát na.

Để rõ hơn về hành sự của những tâm vô nhân, ta hãy quan sát lộ trình tâm qua năm căn với thí dụ sau đây:

Một người nằm ngủ dưới gốc cây xoài, một trái xoài rớt xuống và lăn đến bên mình người ấy. Người ấy giật mình ngồi dậy và tìm biết cái gì đã làm mình giật mình thức giấc. Người này thấy trái xoài, lượm lên, ngửi và xem xét trái xoài. Biết trái xoài đã chín, người ấy ăn trái xoài. Khi ăn xong, người ấy còn cạo thêm vài cái mới bỏ hột xoài ra và nằm xuống ngủ tiếp.

- Người đang ngủ" chỉ cho trạng thái thụ động của tâm thức, đang trôi chảy không có gì làm giao động, trạng thái này gọi là Hộ kiếp (Bhavaṅga) hoặc Hữu Phần hay tiềm thức.

- Ngồi dậy và tìm biết cái gì đã làm mình thức giấc" chỉ cho trạng thái muội lược của tâm thức, khi tâm thức đang tìm xem ngoại trần kích thích mình thuộc về mắt, tai, mũi, lưỡi hay thân. Tâm này gọi là tâm Khán Ngũ Môn (Pañcadvārāvajjana) hay Ngũ Môn Hướng tâm.

- "Thấy trái xoài" chỉ cho sự sanh khởi của thức hoặc thuộc về mắt, hoặc thuộc bốn căn khác. Thức này hoàn toàn thuần túy, không có một chút suy tư gì cả (thọ Xã).

- "Lượm trái xoài" chỉ cho trạng thái của tâm thức, lãnh thọ sự kích thích của ngoại vật. Tâm này gọi là tâm Tiếp Thâu (Sampaticchana) hay tiếp thọ tâm.
- Ngửi và xem xét trái xoài" chỉ cho trạng thái của tâm thức suy nghĩ và tìm hiểu đối tượng bằng những kinh nghiệm quá khứ của mình. Tâm này gọi là tâm Quan Sát (Santīrana) hay Suy Đạc tâm.
- "Xác định trái xoài đã chín" chỉ cho tâm thức xác định vị trí của đối tượng theo sự hiểu biết của mình. Tâm này gọi là tâm Phân Đoán (Voṭṭhapana) hay tâm Xác Định.
- "Ăn trái xoài" chỉ cho tâm thức xử sự với đối tượng. Đây là trạng thái tâm thức quan trọng nhất, chính nghiệp thiện hay bất thiện được thành đạt ở thời điểm này. Tâm này được gọi là tâm Đồng Tốc (Javana) hay Tốc Hành tâm.
- "Cạp thêm vài cái" chỉ trạng thái tâm thức tiếp tục đối xử với cảnh còn lại, trạng thái này giống như tâm Đồng Tốc nhưng không có khả năng tạo quả nên được gọi là tâm Thập Di (Tadālabana) hay Đồng Sở Duyên tâm.
- Nằm ngủ tiếp" chỉ trạng thái của tâm thức sau khi lộ trình tâm chấm dứt, trở về lại với trạng thái Hộ Kiếp.

Với lộ trình tâm ngang qua ý môn thì đối tượng không phải từ bên ngoài vào mà chính tự nội tâm khởi lên. Lộ tâm này khởi từ tâm Khán Ý Môn (Manodvārāvajjana) hay còn được gọi là Ý Môn Hướng tâm và khởi ngay vị trí tâm phân đoán trong lộ tâm ngang qua ngũ môn.

#### **4. Nhân sanh:**

A) Nhân sanh của ngũ song thức: Cặp nhãn thức, cặp nhĩ thức, cặp tỷ thức, cặp thiệt thức và cặp thân thức, khi sanh lên cần có bốn yếu tố sau:

Vật: là Sắc Thần Kinh, chỗ nương của tâm, như mắt là nơi nương của nhãn thức.

**Cảnh:** là đối tượng của tâm. Bất cứ tâm nào, khi khởi lên cũng phải có cảnh tượng ứng với nó.

**Điều kiện để tâm và vật thấu bắt cảnh:** là điều kiện tạo sự xúc chạm giữa thức và vật. Như ánh sáng là điều kiện để nhãn thức và nhãn vật thấu bắt cảnh sắc.

**Sự chú ý:** là sự hướng tâm đến cảnh (để ý đến đối tượng), vì nếu không chú ý đến cảnh thì tâm tiếp thấu không thể bắt cảnh được.

\* Bốn nhân tố sanh nhãn thức là:

**Nhãn vật** (Cakkhupasādarūpa): gọi là thần kinh nhãn, có hình dáng như đầu con chích đực nằm chính giữa mắt để cho tâm nhãn thức nương.

**Cảnh sắc** (Rūparammanam): là các màu sắc, hình ảnh, đối tượng của mắt.

**Ánh sáng** (Āloka): là điều kiện cần thiết để mắt có thể nhận thức cảnh sắc.

**Sự chú ý** (Mānasikāra, Sở Hữu Tác Ý)

\* Bốn nhân tố sanh nhĩ thức là:

**Nhĩ vật** (Sotapasādarūpa): gọi là thần kinh nhĩ, có hình dáng như lông con trều nằm khoanh trong lỗ tai để cho tâm nhĩ thức nương.

**Cảnh thanh** (Saddārammanam): là các âm thanh, đối tượng của tai.

**Hư không** (Ākasa): là khoảng không gian mà âm thanh nhờ đó mà truyền đến nhĩ vật.

**Sự chú ý** (Mānasikāra)

\* Bốn nhân tố sanh tỷ thức là:

**Tỷ vật** (Chānapasādarūpa): gọi là thần kinh tỷ, có hình dáng như móng chân con dê nằm trong lỗ mũi để cho tâm tỷ thức nương.

**Cảnh khí** (Gandhārammanam): là các mùi, vật bị tỷ thức

ngũ.

**Gió (Vajo):** là sự di động đưa mùi đến tử vật.

**Sự chú ý (Mānasikāra)**

\* Bốn nhân tố sanh tâm thiết thức là:

**Thiết vật (Jivhāpasādarūpa):** gọi là thần kinh thiết, có hình dáng như đầu con nhím nằm ở lưỡi để thu bắt cảnh vị.

**Cảnh vị (Rasārammanam):** là các vị mặn, ngọt, chua, cay, ... vật bị lưỡi ném đối tượng của thiết thức.

**Nước (Āpo):** chất chảy tươm, chỗ nương của cảnh vị, là điều kiện cần thiết để thiết thức có thể nhận thức cảnh vị.

**Sự chú ý (Mānasikāra)**

\* Bốn nhân tố sanh thân thức là:

**Thân vật (Kāyapasādarūpa):** hay thần kinh thân, có mặt khắp trên thân là chỗ nương của thân thức.

**Cảnh xúc (Phatthabbārammanam):** là đối tượng của thân thức như nóng, lạnh, ..

**Chất ngại (Dhaddā):** là sự cứng hoặc mềm của vật chất.

**Sự chú ý (Mānasikāra)**

B) Nhân sanh tâm tiếp thu và quan sát:

**Ý vật (Radayavatthu):** là chỗ nương của ý. Kinh sách không ghi rõ về hình dáng và vị trí của ý vật, nên chỉ hiểu rằng chỗ nào tâm ý thức và ý thức giới nương, chỗ đó gọi là Sắc Ý vật.

**Cảnh ngũ (Pañcarammanam):** là năm cảnh (sắc, thính, khí, vị, xúc) mà ngũ song thức ghi nhận. Trong trường hợp tâm quan sát làm công tác tâm thập di hay làm công tác tâm tục sinh, tâm hộ kiếp, tâm tử thì không có cảnh nhất định.

**Sự chú ý (Mānasikāra):** vì tâm tiếp thu và tâm quan sát bắt cảnh nội giới (cảnh mà ngũ song thức vừa ghi nhận) nên những tâm này không có điều kiện bắt cảnh như ngũ song thức.

C) Nhân sanh tâm duy tác vô nhân: Ba tâm duy tác vô nhân có nhân sanh giống như nhân sanh tâm tiếp thu và quan sát. Riêng về cảnh của tâm Ứng Cúng sinh tiểu là những cảnh đáng buồn cười.

Tâm bất thiện và tâm vô nhân còn được gọi chung là **Tâm Dục Giới Vô Tịnh Hảo**.

-ooOoo-